

Số: 08 /2024/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3183/TTr-SXD ngày 05 tháng 11 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12... tháng 12 năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Đ*

- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ,  
kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù  
thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**  
(Kèm theo Quyết định số 08 /2024/QĐ-UBND  
ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

### Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

b) Nội dung nêu tại Chương III Quy định này áp dụng cho các dự án được Ủy ban nhân dân (UBND) xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### Điều 2. Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### **Điều 3. Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù**

Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP bao gồm:

1. Công trình dân dụng: Nhà văn hóa ấp và các hạng mục phụ trợ.
2. Công trình giao thông: Đường giao thông nông thôn (đường ấp và đường liên ấp; đường ngõ, xóm; đường giao thông nội đồng) được thiết kế cứng hoá (không gồm nhựa hoá).
3. Công trình thủy lợi: Kiên cố hóa kênh mương và các công trình trên kênh (thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng).

## **Chương II**

### **CHI PHÍ HỖ TRỢ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ DỰ ÁN, GIÁM SÁT THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

#### **Điều 4. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình**

1. Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có) được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục V Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Chi phí quản lý dự án được xác định theo hướng dẫn tại Chương I Phần II của Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại mục 2 của Phụ lục V Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Cụ thể:

a) Chi phí quản lý dự án được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (3,446% đối với công trình dân dụng; 3,024% đối với công trình giao thông; 3,263% đối với công trình thủy lợi) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư của dự án;

b) Trường hợp dự án thực hiện tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã biên giới, các ấp đặc biệt khó khăn) theo quy định của Chính phủ thì điều chỉnh định mức chi phí quản lý dự án với hệ số  $k = 1,35$ ;

c) Trường hợp chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng  $\geq 50\%$  tổng chi phí xây dựng và thiết bị trong tổng mức đầu tư được duyệt thì điều chỉnh định mức chi phí quản lý dự án với hệ số  $k = 0,8$ .



3. Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (gọi tắt là Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản) được xác định theo hướng dẫn tại mục 1 Phần I và mục 1, mục 2 Chương II Phần II của Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại mục 1, mục 3 của Phụ lục V Thông tư số 09/2024/TT-BXD. Cụ thể:

a) Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (ban hành tại bảng 2.3 kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư của dự án, và được điều chỉnh với hệ số  $k = 0,8$  (sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do cơ quan có thẩm quyền ban hành);

b) Trường hợp dự án sử dụng thiết kế lặp lại hoặc sử dụng lại thiết kế thì điều chỉnh định mức chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản với hệ số  $k = 0,8$ ;

c) Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) tối thiểu không nhỏ hơn 5.000.000 đồng.

4. Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. Cụ thể:

a) Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng 0,019% nhân với tổng mức đầu tư của dự án;

b) Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản tối thiểu không dưới 500.000 đồng.

5. Chi phí giám sát thi công xây dựng, giám sát lắp đặt thiết bị được xác định theo hướng dẫn tại mục 8 Chương II Phần II của Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD. Cụ thể:

a) Chi phí giám sát thi công xây dựng được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (3,285% đối với công trình dân dụng; 3,203% đối với công trình giao thông; 2,598% đối với công trình thủy lợi) nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng);

b) Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (0,844% đối với công trình dân dụng; 0,677% đối với công trình giao thông; 0,718% đối với công trình thủy lợi) nhân với chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng);

c) Chi phí giám sát thi công xây dựng, giám sát lắp đặt thiết bị của các công trình xây dựng tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ thì điều chỉnh với hệ số  $k = 1,2$ .



### Chương III

## QUẢN LÝ, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO CHO CỘNG ĐỒNG TỰ THỰC HIỆN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THEO ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ (BẰNG HIỆN VẬT HOẶC BẰNG TIỀN)

### **Điều 5. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công**

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

2. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) phải đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý đầu tư công và quản lý ngân sách nhà nước.

3. Đối với công trình thực hiện theo hình thức nhà nước hỗ trợ bằng hiện vật, giá trị của hiện vật phải được quy đổi ra tiền bằng đồng Việt Nam và tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

4. Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được UBND cấp xã xác nhận.

5. Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng (bao gồm cả các khoản chi phí được thực hiện từ nguồn vốn nhân dân tự huy động).

### **Điều 6. Quy định về tạm ứng, thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ**

1. Chủ đầu tư thực hiện mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi đăng ký giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. Việc tạm ứng, thanh toán được chủ đầu tư thực hiện trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư được giao thực hiện dự án (Ban Phát triển ấp); Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công dự án.

3. Khi giao dịch lần đầu với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung cần có các tài liệu chứng minh việc dự án đã có trong Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; hồ sơ xây dựng công trình đã được UBND cấp xã phê duyệt (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung nếu có) và Hợp đồng ký kết giữa các bên.

4. Tạm ứng vốn

a) Hồ sơ tạm ứng vốn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP;

b) Mức vốn tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

5. Hồ sơ thanh toán thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

### **Điều 7. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành**

1. Lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

a) Hồ sơ trình quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP;

b) Biểu mẫu lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện theo 02 mẫu biểu tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC (Mẫu số 14/QTDA về báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và Mẫu số 15/QTDA về bảng đối chiếu số liệu).

2. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán

a) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP;

b) Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP;

c) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

3. Thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH**

#### **Điều 8. Trách nhiệm quản lý, vận hành công trình**

1. Công trình sau khi được đầu tư xây dựng hoàn thành, UBND cấp xã quyết định giao Ban quản lý xã (hoặc Ban Phát triển ấp) trực tiếp quản lý, vận hành công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.



2. Sau khi nhận bàn giao công trình, Ban quản lý xã (hoặc Ban Phát triển ấp) có trách nhiệm quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt.

### **Điều 9. Thực hiện bảo trì công trình, chi phí bảo trì công trình**

1. Nội dung chính của kế hoạch bảo trì công trình tuân theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. UBND cấp xã tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện bảo trì công trình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

3. Việc thực hiện bảo trì công trình và quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình thực hiện theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Chi phí bảo trì công trình được xác định bằng cách lập dự toán theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Hướng dẫn chủ đầu tư trong việc lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Hướng dẫn các vướng mắc liên quan đến công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành (nếu có).

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tổ chức lập thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy trình bảo trì công trình mẫu của các loại công trình theo chuyên ngành quản lý nêu tại Điều 3 Quy định này.



2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng cơ chế đặc thù đối với các loại công trình theo chuyên ngành quản lý nêu tại Điều 3 Quy định này.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng cơ chế đặc thù đối với các công trình trên địa bàn được giao quản lý.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp, hỗ trợ UBND cấp xã trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

Tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan được quy định tại Quy định này và tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

1. Các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.